TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ---------- Số: 70/2022/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 06 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quang K, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 9, xã Gia H, huyện V, tỉnh N

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương T, sinh năm 1996

Địa chỉ: xóm 9, xã Gia H, huyện V, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quang K, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 9, xã Gia H, huyện V, tỉnh N

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương T, sinh năm 1996

Địa chỉ: xóm 9, xã Gia H, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về quan hệ con chung: Anh Trần Quang K và chị Bùi Thị Phương T cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung: Cháu lớn là Trần Quang H, sinh ngày 25/3/2014; cháu bé là Trần Quang V, sinh ngày 13/7/2018. Anh K chị T thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ

giao cháu Trần Quang V cho anh Trần Quang K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Trần Quang H cho chị Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu Trần Quang V và cháu Trần Quang H đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Quang K và chị Bùi Thị Phương T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy về tài sản chung, công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết

2.3 Về án phí: Anh Trần Quang K phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại anh Trần Quang K 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004213 ngày 08/11/2022.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện V*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND xã Gia T, huyện Q, tỉnh N;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành